

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1991; nơi thường trú: ấp Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Tổ 2, ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phan Thị Thiên T, sinh năm 1992; nơi thường trú: Tổ 9, ấp B, xã B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi tạm trú: Tổ 2, ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T chung sống năm 2014, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 do Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 20 tháng 3 năm 2014. Hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn do chị T không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không phụ giúp để nuôi con, không hỗ trợ chi trả các chi phí sinh hoạt trong gia đình, toàn bộ thu nhập chỉ dùng để chi tiêu cho bản thân. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, anh T yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh T và chị T có 03 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013, cháu Phan Nhật V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018. Các con chung hiện đang sống chung với anh T tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Anh T hiện đang làm công nhân tại Công ty G. Thu nhập hằng tháng bình quân khoảng 7.000.000 đồng. Anh T có đất, nhà ở ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương. Anh T hiện đang sống chung với cha mẹ ruột nên thuận tiện trong việc hỗ trợ chăm sóc, giáo dục các con chung. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Phan Thị Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chị T không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 09 tháng 5 năm 2023, cháu Phan Minh N có nguyện vọng được sống chung với anh T.

Theo biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2023, Công chức Tư pháp xã L1, huyện B cung cấp như sau: Anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do anh chị không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Phan Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Phan Thị Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T, quá trình sống chung có mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phan Thị Thiên T có nơi cư trú tại ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phan Văn T khởi kiện chị Phan Thị Thiên T, yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Phan Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phan Thị Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn chị T do chị T thiếu trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Có cơ sở xác định chị T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T có 03 con chung là cháu Phan Minh N, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013, cháu Phan Nhật V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018. Con chung hiện đang chung sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Cháu N có nguyện vọng được sống với anh T. Xét, anh T có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét giao 03 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T đối với bị đơn chị Phan Thị Thiên T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T.

Về nuôi con chung: giao cháu Phan Minh N, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2013, cháu Phan Nhật V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018 và cháu Phan Minh V, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018 cho anh Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phan Thị Thiên T không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Văn T và chị Phan Thị Thiên T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010203 ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết